

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị  
tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 03/5/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đồ án Quy hoạch vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035;*

*Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 3666/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 172/TTr-SXD ngày 05/7/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025”.

**Điều 2.** Giao Sở Xây dựng chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch, thường xuyên rà soát kết quả thực hiện, tham mưu đề xuất, báo cáo UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K1, K14, K19.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bình Định, ngày tháng 7 năm 2021*

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2021 của UBND tỉnh)*

#### **I. Mục tiêu và yêu cầu:**

##### **1. Mục tiêu:**

- Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018; Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3666/QĐ-UBND ngày 10/10/2019.

- Xác định kế hoạch nâng loại đô thị, tỷ lệ đô thị hóa và danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, hệ thống hạ tầng kết nối hệ thống đô thị của tỉnh giai đoạn 2021-2025 để làm cơ sở lập chương trình phát triển của từng đô thị.

- Huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng khung và hệ thống đô thị của tỉnh.

**2. Yêu cầu:** Các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp, triển khai các nội dung giải pháp thực hiện cho từng giai đoạn, đề xuất cơ chế chính sách, thu hút nguồn vốn và huy động các nguồn lực đầu tư vào mục tiêu xây dựng đô thị theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035 đã được duyệt. Đồng thời, không ngừng cải thiện môi trường đầu tư để phát triển đô thị theo đúng tiến độ đã đề ra.

#### **II. Nội dung Kế hoạch:**

**1. Kế hoạch nâng loại đô thị:** đến năm 2025, toàn tỉnh có 22 đô thị, bao gồm:

- 01 đô thị loại I: thành phố Quy Nhơn;

- 01 đô thị loại III: thị xã An Nhơn;

- 02 đô thị loại IV: Hoài Nhơn và đô thị Tây Sơn (huyện Tây Sơn đạt chuẩn đô thị loại IV);

- 12 đô thị loại V (đô thị hiện hữu): Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão, Tăng Bạt Hổ, Phù Mỹ, Tuy Phước, Diêu Trì, Phước Lộc, Bình Dương, Ngô Mây, Mỹ Chánh, Cát Tiến.

- 06 đô thị loại V (hình thành mới): Phước Hòa, Phước Sơn, huyện Tuy Phước; An Hòa, huyện An Lão; Cát Khánh, huyện Phù Cát; Canh Vinh, huyện Vân Canh; Mỹ Thành huyện Phù Mỹ.

Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 52,8%.

## **2. Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung:**

- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị: đô thị loại I đạt từ 23% trở lên; đô thị loại III và IV đạt từ 20% trở lên; đô thị loại V đạt từ 16% trở lên. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng tại đô thị loại I đạt 20% trở lên; đô thị loại III và IV đạt 10% trở lên; đối với đô thị loại V đạt từ 2% trở lên.

- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch: đô thị loại I đạt 95%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 120 lít/người/ngày đêm; đô thị loại III và IV đạt 80%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 100-120 lít/người/ngày đêm; đô thị loại V đạt 60%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 80-90 lít/người/ngày đêm.

- Chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đạt 30m<sup>2</sup> sàn/người; tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 99,5%, giảm tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố và nhà ở đơn sơ xuống 0,5%.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 70-80% diện tích lưu vực thoát nước trong khu vực nội thị của các đô thị; lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt 80% đối với đô thị loại I, đạt 50% đối với đô thị loại III và IV và đạt 20% đối với các đô thị loại V.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị được thu gom và xử lý đạt 83-84%; Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và xử lý đạt 100%.

- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính và khu nhà ở, ngõ xóm tại các đô thị loại I trên 100%; loại III và IV đạt trên 80%; các đô thị loại V đạt trên 75% chiều dài các tuyến đường chính và 60-70% chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng.

- Đất cây xanh đô thị: đối với đô thị loại I đạt 7-12m<sup>2</sup>/người; đối với đô thị loại III, loại IV đạt 5-7m<sup>2</sup>/người; đô thị loại V đạt 4m<sup>2</sup>/người. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt từ 4-5m<sup>2</sup>/người.

## **III. Danh mục các công trình, dự án:**

1. Danh mục các công trình, dự án ưu tiên đầu tư: Theo phụ lục kèm theo.

2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước; nguồn vốn đóng góp và tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**IV. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch; kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Trong quá trình tổ chức thực hiện, hàng năm Sở Xây dựng sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung Kế hoạch phù hợp theo tình hình thực tế và nguồn lực đầu tư.

2. Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm phối hợp, triển khai thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1: Kế hoạch nâng loại đô thị

TT	Danh mục dự án	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị chủ trì
<b>I</b>	<b>Nâng loại đô thị</b>			
1	Nâng cấp 05 xã (Nhơn Phúc, Nhơn Hậu, Nhơn An, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ) thuộc thị xã An Nhơn lên phường (dự kiến năm 2024)	đô thị	01	UBND thị xã An Nhơn
2	Đề án công nhận huyện Tây Sơn đạt chuẩn đô thị loại IV (dự kiến năm 2024)	đô thị	01	UBND huyện Tây Sơn
3	Đề án nâng loại đô thị xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước đạt chuẩn đô thị loại V (năm 2021)	đô thị	01	UBND huyện Tuy Phước
4	Đề án nâng loại đô thị xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước đạt chuẩn đô thị loại V (dự kiến năm 2023)	đô thị	01	UBND huyện Tuy Phước
5	Đề án nâng loại đô thị xã Cát Khánh, huyện Phù Cát đạt chuẩn đô thị loại V (năm 2021)	đô thị	01	UBND huyện Phù Cát
6	Đề án nâng loại đô thị xã An Hòa, huyện An Lão đạt chuẩn đô thị loại V (năm 2021)	đô thị	01	UBND huyện An Lão
7	Đề án nâng loại đô thị xã Canh Vinh, huyện Vân Canh đạt chuẩn đô thị loại V (dự kiến năm 2025)	đô thị	01	UBND huyện Vân Canh
8	Đề án nâng loại đô thị xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ đạt chuẩn đô thị loại V (dự kiến năm 2025)	đô thị	01	UBND huyện Phù Mỹ
<b>II</b>	<b>Nâng cao các tiêu chí phát triển đô thị</b>			
1	Rà soát nâng cao các tiêu chí phát triển đô thị đối với các đô thị loại I, III, IV và V trên địa bàn tỉnh			Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã và thành phố liên quan
2	Nâng cấp xã Nhơn Lý thành phường thuộc thành phố Quy Nhơn	xã	01	UBND thành phố Quy Nhơn

**PHỤ LỤC 2: Danh mục công trình, dự án**

<b>TT</b>	<b>Danh mục dự án</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Quy mô</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>
<b>I</b>	<b>Hệ thống giao thông</b>			
1	Tuyến đường Hoài Nhơn - An Lão <sup>(1)</sup>	Km	5	Sở Giao thông vận tải
2	Đường ĐT629 (Hoài Nhơn - Quảng Ngãi) <sup>(2)</sup>	Km	45	Sở Giao thông vận tải
3	Tuyến đường từ An Lão đi Ba To <sup>(3)</sup>	Km	18,6	Sở Giao thông vận tải
4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.639 kết hợp xây dựng cầu qua cửa biển Tam Quan nối tuyến đường biển tỉnh Quảng Ngãi	Km	2,8	Sở Giao thông vận tải
5	Đoạn từ ĐT 636 đến giáp QL19	Km		Sở Giao thông vận tải
6	Xây dựng cầu từ thôn 11 xã Mỹ Thắng đi xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	Km	0,7	Sở Giao thông vận tải
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Quốc lộ 19C, đoạn từ Diêu Trì - Mục Thịnh	Km	39,38	Sở Giao thông vận tải
8	Sửa chữa, mở rộng cầu Phụ Ngọc, địa điểm: xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn	Km	0,162	Sở Giao thông vận tải
9	Nâng cao độ nền mặt đường tuyến ĐT.640 đoạn Km18+178÷Km19+231	Km	1,053	Sở Giao thông vận tải
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Quốc lộ 19B, đoạn từ Km38+200 - Km58+100 (Sân bay Phù Cát - Bảo tàng Quang Trung); xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường ĐT.637, địa điểm xây dựng huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và thị xã An Nhơn	Km	19,9	Sở Giao thông vận tải
11	Xây dựng nâng cấp cầu Sông Vồ	Km	0,096	Sở Giao thông vận tải
12	Xây dựng nâng cấp cầu An Lão	Km	0,252	Sở Giao thông vận tải
13	Tuyến tránh đường ĐT.633, đoạn từ núi Ghềnh đến giáp đường ven biển	Km	3,6	Sở Giao thông vận tải
14	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh, đoạn qua các khu đông dân cư	Km		Sở Giao thông vận tải
15	Sửa chữa, xây dựng thay thế các cầu yếu trên hệ thống đường tỉnh	Km		Sở Giao thông vận tải
16	Tuyến đường phía Tây huyện Vân Canh, đoạn từ khu công nghiệp, đô thị Becamex Bình Định đến thị trấn Vân Canh	Km	23,2	Sở Giao thông vận tải
17	Tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT.638), đoạn từ Quốc lộ 19 đến Quốc lộ 19C	Km		Sở Giao thông vận tải
18	Xây dựng cầu kết nối và mở rộng phân luồng giao thông tại nút giao giữa Tuyến Quốc lộ 19 mới và Quốc lộ 1			Ban QLDA Giao thông tỉnh
19	Đường Ngô Mây kéo dài	Km	1,3	Ban QLDA Giao thông

<b>TT</b>	<b>Danh mục dự án</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Quy mô</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>
				tỉnh
20	Tuyến đường Quốc lộ 19C kết nối xuống KKT Nhơn Hội (ngã ba Diêu Trì đến đường Võ Nguyên Giáp)	Km	7,0	Ban QLDA Giao thông tỉnh
21	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến-Diêm Vân	Km	13,58	Ban QLDA Giao thông tỉnh
22	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu đô thị Diêm Vân	Km	1,6	Ban QLDA Giao thông tỉnh
23	Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 19-Quốc lộ 1D	Km	4,3	Ban QLDA Giao thông tỉnh
24	Cầu Thị Nại 2, thành phố Quy Nhơn	Km	4,0	Ban QLDA Giao thông tỉnh
25	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	Km	9,4	Ban QLDA Giao thông tỉnh
26	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT. 639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	Km	19,2	Ban QLDA Giao thông tỉnh
27	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT. 639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	Km	7,0	Ban QLDA Giao thông tỉnh
28	Tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn	Km	18	Ban QLDA Giao thông tỉnh
29	Nâng cấp tuyến đường từ Bảo tàng Quang Trung đến Vĩnh Thạnh	Km	35,5	Ban QLDA Giao thông tỉnh
30	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Văn)	Km	6,32	Ban QLDA Giao thông tỉnh
31	Đầu tư nâng cấp chống ngập các đoạn tuyến ĐT.629 (Bông Sơn - An Lão)	Km	8,0	Ban QLDA Giao thông tỉnh
32	Đường kết nối thị trấn An Lão với đường An Hòa đi Ân Hảo Tây, huyện An Lão	Km	9,3	Ban QLDA Giao thông tỉnh
33	Tuyến đường dẫn ra cảng tổng hợp Khu kinh tế Nhơn Hội	Km	1,8	Ban QL Khu kinh tế
34	Tuyến đường chuyên dụng phía Tây Khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 2)	Km	6,4	Ban QL Khu kinh tế
35	Tuyến đường tránh qua Nhơn Lý	Km	2,1	Ban QL Khu kinh tế
36	Tuyến đường nối Khu kinh tế Nhơn Hội đi Hải Giang	Km		Ban QL Khu kinh tế
37	Xây dựng tuyến trục chính Đông Tây, thị xã An Nhơn	Km	12	UBND thị xã An Nhơn



<b>TT</b>	<b>Danh mục dự án</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Quy mô</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>
38	Xây dựng 03 tuyến trục chính Bắc Nam, thị xã An Nhơn	Km	22	UBND thị xã An Nhơn
39	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 (Năm Tấn) đến ĐT.639, tuyến đường từ Quốc lộ 1 (Chợ Bông) đến ĐT.638, Tuyến đường từ cầu Chui Quốc lộ 1 cũ (Hoài Châu Bắc) đến đường bê tông Trường Xuân Đông (Tam Quan Bắc)	Km	10,3	UBND thị xã Hoài Nhơn
40	Xây dựng đường kết nối ĐT638 đến ĐT639 giữa thị xã (qua phường Hoài Thanh Tây, Hoài Thanh, Tam Quan Nam)	Km	6,4	UBND thị xã Hoài Nhơn
41	Đường kết nối Cầu Phú Văn với đường Nguyễn Tất Thành và đường Biên Cương, phường Bồng Sơn	Km	1,4	UBND thị xã Hoài Nhơn
42	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Thái Lợi và khu dân cư dọc tuyến (đường Nguyễn Trân)	Km	5,5	UBND thị xã Hoài Nhơn
43	Đường kết hợp dự án nạo vét, khơi thông sông Cạn kết hợp xây dựng Kè và dân cư dọc 2 bên (kết nối Bồng Sơn, Hoài Xuân, Hoài Thanh, Hoài Thanh Tây, Tam Quan Nam với khu vực phát triển đô thị, công nghiệp và cảng Tam Quan)	Km	16,5	UBND thị xã Hoài Nhơn
44	Xây dựng đường từ Trần Quang Diệu (Cụm công nghiệp Tam Quan) đi Mỹ Bình - Hoài Phú	Km	1,3	UBND thị xã Hoài Nhơn
45	Đường Tam Quan - Chợ Xuân Phong	Km	12	UBND thị xã Hoài Nhơn
46	Tuyến đường thay thế đường Trần Phú phường Tam Quan	Km	10	UBND thị xã Hoài Nhơn
47	Xây mới cầu Phú Văn	Km	2	UBND thị xã Hoài Nhơn
48	Đường Bình Nghi-Bình Hòa (bao gồm cầu qua sông Côn)	Km	3,5	UBND huyện Tây Sơn
49	Đập dâng Phú Phong	m	588,5	Ban QLDA Nông nghiệp - PTNT
50	Mở rộng tuyến ĐT633 (Chợ Gồm - Đê Gi)	Km	20	UBND huyện Phù Cát
51	Cầu Hữu Giang, kết nối QL19 đi ĐH.26 (Hữu Giang-Hà Nhe)	Km	0,74	UBND huyện Tây Sơn
52	Nâng cấp tuyến đường từ ĐT.636 đến giáp ĐT.631, huyện Tuy Phước	Km	2,0	UBND huyện Tuy Phước
53	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1A cũ đến giáp đường tỉnh ĐT.638	Km		UBND huyện Phù Cát

TT	Danh mục dự án	Đơn vị	Quy mô	Đơn vị chủ trì
54	Nâng cấp, mở rộng Tuyến đường từ cầu Mực Kiến (ĐT.638) đi trung tâm xã Đắc Mang, huyện Hoài Ân	Km		UBND huyện Hoài Ân
55	Cầu qua sông Hà Thanh, Thị trấn Vân Canh	Km	0,38	UBND huyện Vân Canh
<b>II</b>	<b>Bến xe, bãi đỗ xe</b>			
1	Bến xe khách và bến xe tải khu vực Bồng Sơn	Ha	3,7	UBND thị xã Hoài Nhơn
2	Bến xe khách và bến xe tải khu vực Tam Quan	Ha	5	UBND thị xã Hoài Nhơn
3	Bãi đậu xe Hoài Hương	Ha	0,32	UBND thị xã Hoài Nhơn
4	Bến xe khách An Nhơn	Ha	3,5	UBND thị xã An Nhơn
5	Bến xe khách và vận tải Diêu Trì	Ha	4,48	UBND huyện Tuy Phước
6	Bãi đậu xe thị trấn Tuy Phước	Ha	1,71	UBND huyện Tuy Phước
7	Bến xe xã Phước Hòa	Ha	0,3	UBND huyện Tuy Phước
8	Bến xe khách Vân Canh	Ha	0,5	UBND huyện Vân Canh
9	Bến xe khách Phù Mỹ	Ha	1,5	UBND huyện Phù Mỹ
10	Bến xe hàng tại Khu công nghiệp Phú Tài		01	Ban QL Khu kinh tế
11	Bến xe khách và vận tải Tây Sơn	Ha	2,5	UBND huyện Tây Sơn
<b>III</b>	<b>Hệ thống cấp nước</b>			
1	Nâng cấp Nhà máy XLN Bồng Sơn	m <sup>3</sup> /ng.đ	12.000	Công ty CP Cấp thoát nước BĐ
2	Nâng cấp Nhà máy XLN Tăng Bạt Hồ	m <sup>3</sup> /ng.đ	2.000	Công ty CP Cấp thoát nước BĐ
3	Nâng cấp Nhà máy XLN Bình Dương	m <sup>3</sup> /ng.đ	2.000	Công ty CP Cấp thoát nước BĐ
4	Nâng cấp Nhà máy XLN Đập Đá	m <sup>3</sup> /ng.đ	2.900	Công ty CP Cấp thoát nước BĐ
5	Nâng cấp Nhà máy XLN Bình Định	m <sup>3</sup> /ng.đ	6.000	Công ty CP Cấp thoát nước BĐ
6	Nhà máy cấp nước sinh hoạt phường Nhơn Hòa	m <sup>3</sup> /ng.đ	2.900	Công ty CP Cấp thoát nước BĐ
7	Nhà máy cấp nước Khu đô thị, công nghiệp Becamex Bình Định	m <sup>3</sup> /ng.đ	2.900	Công ty CP Cấp thoát nước BĐ

TT	Danh mục dự án	Đơn vị	Quy mô	Đơn vị chủ trì
8	Nâng cấp Nhà máy cấp nước thị trấn Phù Mỹ	m <sup>3</sup> /ng.đ	3.200	UBND huyện Phù Mỹ
9	Nâng cấp Nhà máy cấp nước Phú Phong	m <sup>3</sup> /ng.đ	12.000	UBND huyện Tây Sơn
10	Đầu tư Nhà máy cấp nước Bắc sông Côn	m <sup>3</sup> /ng.đ	10.000	UBND huyện Tây Sơn
11	Nhà máy cấp nước khu vực phía Nam vùng đầm Đê Gi	m <sup>3</sup> /ng.đ	9.700	Kêu gọi đầu tư
12	Dự án cấp nước trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn (phân vùng 1, 2, 3)	m <sup>3</sup> /ng.đ	22.200	UBND thị xã Hoài Nhơn
13	Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội công suất 75.000 m <sup>3</sup> /ngày – đêm (giai đoạn 1)	m <sup>3</sup> /ng.đ	75.000	Ban QL Khu kinh tế
<b>IV</b>	<b>Hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn</b>			
<b>IV.1</b>	<b>Xử lý nước thải đô thị</b>			
1	Nhà máy xử lý nước thải Tam Quan	m <sup>3</sup> /ng.đ	5.500	UBND thị xã Hoài Nhơn
2	Nhà máy xử lý nước thải Bồng Sơn	m <sup>3</sup> /ng.đ	5.500	UBND thị xã Hoài Nhơn
	Mạng lưới thu gom	km	30	
3	Nhà máy xử lý nước thải Bình Định (Nhơn An)	m <sup>3</sup> /ng.đ	8000	UBND thị xã An Nhơn
	Mạng lưới thu gom	km	50	
4	Nâng cấp nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	m <sup>3</sup> /ng.đ	28.000	Ban QLDA Dân dụng và công nghiệp tỉnh
5	Xây dựng mới trạm xử lý nước thải tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng (Quy Hòa), thành phố Quy Nhơn	m <sup>3</sup> /ng.đ	2.000	Ban QLDA Dân dụng và công nghiệp tỉnh
6	Nâng cấp Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Hội	m <sup>3</sup> /ng.đ	4.000	Ban QL Khu kinh tế
7	Trạm xử lý nước thải tại phân khu 2 khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội	m <sup>3</sup> /ng.đ	2.000	Ban QL Khu kinh tế
8	Trạm xử lý nước thải tại phân khu 3 khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội	m <sup>3</sup> /ng.đ	2.000	Ban QL Khu kinh tế
9	Nhà máy xử lý nước thải Phú Phong (Nam sông Côn)	m <sup>3</sup> /ng.đ	5.500	UBND huyện Tây Sơn
	Mạng lưới thu gom	Km	20	
10	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải (trạm số 4)	m <sup>3</sup> /ng.đ	1.500	UBND huyện Tuy Phước
11	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải (trạm số 5)	m <sup>3</sup> /ng.đ	2.100	UBND huyện Tuy Phước

TT	Danh mục dự án	Đơn vị	Quy mô	Đơn vị chủ trì
<b>IV.2</b>	<b>Quản lý chất thải rắn</b>			
1	Xây dựng Khu xử lý CTR Hoài Nhơn	T/ng.đ	200	UBND thị xã Hoài Nhơn
2	Xây dựng nhà máy điện rác giai đoạn 1	T/ng.đ	100	UBND thị xã Hoài Nhơn
3	Xây dựng Khu xử lý CTR Cát Nhơn	T/ng.đ	800	Ban QL Khu kinh tế tỉnh
4	Xây dựng Khu xử lý CTR An Nhơn	T/ng.đ	100	UBND thị xã An Nhơn
5	Xây dựng khu xử lý CTR Tây Sơn			UBND huyện Tây Sơn
6	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống xử lý nước rỉ rác, Bãi chôn lấp CTR huyện Phù Mỹ	m <sup>3</sup> /ng.đ	165	UBND huyện Phù Mỹ
<b>IV.3</b>	<b>Nhà tang lễ</b>			
1	Nghĩa trang hoa viên thị xã khu vực Đồi Pháo, phường Hoài Hảo	Ha	14,9	UBND thị xã Hoài Nhơn
2	Xây dựng nhà tang lễ của đô thị khu vực An Nhơn	Ha	0,8	UBND thị xã An Nhơn
3	Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước tại xã Phước Lộc	Ha	17,62	UBND huyện Tuy Phước

**Ghi chú:** (1), (2), (3) theo đề nghị của địa phương, sẽ được xem xét khảo sát cụ thể.